

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU

Thực hiện: 4 tuần (Từ ngày 15/12 đến 09/01/2026)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp:Thổi lông chim - Tay: + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống. - Lưng, bụng, lườn: + Vặn người sang 2 bên. - Chân + Co duỗi từng chân.	- Các bài thể dục sáng - Các bài tập phát triển chung (Chơi - tập có chủ định)	
2	Trẻ biết phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò qua vật cản. - Trườn qua vật cản	- Chơi - tập có chủ định: - Khởi động: Thể dục sáng, các giờ Chơi - tập có chủ định: + Bò qua vật cản, trườn qua vật cản. + TC: Ném bóng.	
3	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đứng co một chân.	- Chơi - tập có chủ định: + Đứng co một chân. - TC: Trườn qua vật cản	
4	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt;., ném vào đích xa 1->.1,2m. Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa về phía trước bằng 1 tay. (tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng vào đích.	- Chơi - tập có chủ định: + Ném bóng vào đích + TC: Đứng co 1 chân. +TC: Gà gáy vịt kêu; Bắt chước tiếng kêu; Con gì biến mất; Bắt chước tạo dáng; Gấu dạo chơi trong rừng.	

6	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, xếp, chồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhón, nhặt đồ vật - Xâu vòng con giống, chắp ghép hình. - Đóng cọc bàn gỗ - Tập cầm bút tô màu, lật giờ trang sách. - Xếp chồng, xâu luôn dây, vò xé. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi - tập có chủ định: <ul style="list-style-type: none"> + Nặn con giun. + Xếp chuồng thú. + Tô màu tranh con voi + Xâu vòng hoa + Xếp ao cá. - Chơi theo ý thích (Giờ đón, trả trẻ) - HĐNT, HDG, Chơi - tập buổi chiều: Xếp chuồng thú, vò giấy, xé giấy, tô màu tranh con vật. 	
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
7	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Trẻ có nề nếp thói quen tốt trong ăn uống: Ăn chín, uống sôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện giờ đón trẻ, trả trẻ. - Trong các giờ ăn: Giới thiệu các loại thức ăn. 	
8	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Trẻ có thói quen ngủ 1 giấc trưa.	- Giờ ngủ trưa.	
9	- Trẻ đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Trẻ đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Vệ sinh cá nhân trước, sau giờ ăn, trước sau khi ngủ dậy, trước khi trả trẻ.	
10	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước, uống, đi vệ sinh) <i>Biết tiết kiệm nước khi uống nước, rửa tay...</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập 1 số thói quen tốt trong sinh hoạt: <ul style="list-style-type: none"> + Rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, bỏ rác đúng nơi qui định. + Tập 1 số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - <i>Tập một số thói quen tiết kiệm nước trong sinh hoạt.</i> - Lấy gối chuẩn bị chỗ ngủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh cá nhân trước, sau giờ ăn, trước sau khi ngủ dậy, trước khi trả trẻ. - Hoạt động ngoài trời, hoạt động góc, ngủ trưa 	
11	Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần	- Tự phục vụ: Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, mặc quần áo khi trời lạnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện giờ đón, trả trẻ. - Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi. 	

	áo ấm khi trời lạnh ,			
13	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm(leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Một số hành động gây nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Trò chuyện giờ đón, trả trẻ. - Dạy trẻ mọi lúc mọi nơi.	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

14	Trẻ nhận biết được đặc điểm nổi bật của đối tượng khi sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm	- Nghe, nhận biết tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.	- Chơi - tập có chủ định: + NB: Gà trống, mái, vịt + NB: Chó, mèo, thỏ. + Trò chuyện ngày 8/3 - Chơi theo ý thích các giờ đón, trả trẻ, HĐNT, HDG, giờ ăn. - HDC, đón trả trẻ: + Trò chuyện với trẻ về các con vật nuôi trong gia đình.	
18	- Trẻ nói được tên một số con vật sống trong rừng, dưới nước	- Một số con vật nuôi trong gia đình, sống trong rừng, dưới nước.	- Chơi - tập có chủ định: + NB: Gấu, voi, khỉ. + NB: Cá, tôm, cua - HDG, đón, trả trẻ.	
19	Trẻ chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ, xanh, vàng theo yêu cầu.	- Một số màu cơ bản	- Các hoạt động chơi-tập có chủ định. - Hoạt động ngoài trời. - HDG, Giờ đón, trả trẻ, mọi lúc mọi nơi.	
20	Trẻ chỉ hoặc lấy, hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước.	- Chơi tập có chủ định, Giờ đón, trả trẻ. + Kích thước to – nhỏ - Mọi lúc mọi nơi.	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

* Nghe

22	Trẻ trả lời các câu hỏi: Con gì; Kêu thế nào;	- Nghe hiểu các từ chỉ tên gọi về các con vật nuôi trong GD, sống	- Các hoạt động chơi-tập có chủ định sáng, chiều.	
----	-----------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------	--

	Cái gì đây? Để làm gì? Như thế nào?	trong rừng, dưới nước. - Nghe các câu hỏi Con gì; Kêu thế nào? Cái gì đây? Để làm gì?	- Hoạt động ngoài trời. - HDG, Giờ đón, trả trẻ.	
23	Trẻ hiểu nội dung bài thơ, câu truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe cô giáo đọc các bài thơ: Con voi; Đồng dao: Con trâu, Con sên. - Nghe cô kể chuyện: Quả trứng; Thỏ con không vâng lời; Cá và chim, con cáo.	- Chơi - tập có chủ định: + Thơ: Con voi; + KC: Quả trứng; Thỏ con không vâng lời; Cá và chim - HDC, trả trẻ. + Thơ: Tìm ổ; Đàn bò; Gọi nhé; Thỏ trắng; Con cá vàng; + Kể chuyện: Con cáo; + DD: Con trâu, Con sên.	
* Nói				
24	Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát các âm khác nhau - Sử dụng các từ chỉ con vật quen thuộc.	- Các hoạt động chơi-tập có chủ định sáng, chiều. HDNT, HDG, Giờ đón, trả trẻ.	
27	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. Hỏi các vấn đề mà trẻ quan tâm như: Con gì đấy? Cái gì?	- Trả lời và đặt câu hỏi: Con gì? Kêu thế nào? Ở đâu? Để làm gì? Tại sao - Xem tranh và gọi tên các con vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- Trò chuyện cùng cô, các bạn hàng ngày. - Trò chuyện: Tên đặc điểm của các con vật. - HDG, Đón, trả trẻ: Xem tranh, sách về các con vật. - Mọi lúc mọi nơi.	
4. Phát triển TC, KNXH và thẩm mỹ				
33	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến những con vật nuôi sống trong gia đình, trong rừng, dưới nước.	- Chơi - tập có chủ định: + NB: Gà trống, gà mái, vịt. + NB: Chó mèo, thỏ. +NB: Gấu, voi, khỉ +NB: Cá, tôm ,cua - Đón, trả trẻ.	
37	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh	- Chơi theo ý thích các giờ đón, trả trẻ, HDNT, HDG, giờ ăn. - Xếp hàng vệ sinh rửa	

		hoạt ở nhóm: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.	tay, rửa mặt, trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh.	
38	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.	- Hát và làm các động tác vận động đơn giản (lắc lư, dậm chân, vỗ tay...) theo bài hát: Con gà trống; Chú mèo; Chú voi con; một con vịt; phi ngựa;Ếch ộp.	- Chơi - tập CCĐ: Nghe hát và hát các bài: + Hát: Con gà trống, Chú mèo; + Nghe hát: Chú voi con; Cá vàng bơi. + VĐTN: Một con vịt, Phi ngựa;Ếch ộp + Trò chơi âm nhạc: Ai đoán giỏi - Các hoạt động chơi-tập có chủ định sáng, chiều. HĐNT, HĐG, + Hát: Một con vịt; + Nghe hát: Con mèo ra bờ sông; Cá vàng bơi; Vì sao chim hay hót;	
39	Trẻ thích vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	- Xếp hình, nặn, vò, xé.	- Chơi - tập có chủ định + Nặn con giun + Xếp chuồng thú. + Xếp ao cá. + Tô màu tranh con voi. - HĐG, HĐNT: Xâu vòng con vật.	

GIÁO VIÊN

TỔ PHÓ CM ĐÃ KT CÁC ND

P.HT PHÊ DUYỆT